

Bản án số: 26/2018/HSST

Ngày: 29/8/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Trung Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hà; bà Dương Thị Thoa.

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 29/8/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 24/2018/TLST-HS ngày 23/7/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2018/QĐXXST-HS ngày 14/8/2018 đối với các bị cáo:

1/ **Nghiêm Văn S** - Sinh ngày 13/5/1999 tại: xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. nơi cư trú: Xóm 3, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nghiêm Văn H và bà Hoàng Thị H (đã chết); chưa có vợ con; nhân thân: Tháng 01/2018, nhập ngũ, đến tháng 4/2018 đảo ngũ về địa phương; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/5/2018 đến nay - Có mặt.

2/ **Hoàng Văn H** - Sinh ngày 10/12/1996 tại: Xã X, huyện H, tỉnh Nghệ An. nơi cư trú: Xóm Hồ Đông, xã Th, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn B (đã chết) và bà Phạm Thị V; vợ là Mai Thị K và có 02 con: lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/5/2018 đến nay - Có mặt.

- Người bị hại: Chị Dương Thị Th - Sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Xóm 7, Nga Thanh, Nga Sơn, Thanh Hóa - Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Anh Trịnh Văn L - Sinh năm: 1992 - Địa chỉ: Xóm Nam Thành, xã Th, huyện N, tỉnh Thanh Hóa - Vắng mặt.

2/ Anh Nguyễn Văn H - Sinh năm: 1986 - Địa chỉ: Tiểu khu 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa - Vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:* Người làm chứng:

1/ Anh Nguyễn Hữu Th - Sinh năm: 1992 - Địa chỉ: Xóm 8, xã Tr, huyện N, tỉnh Thanh Hóa - Vắng mặt;

2/ Anh Mai Đăng Th1 - Sinh năm: 1990 - Địa chỉ: Xóm 1, xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa - Vắng mặt;

3/ Ông Nguyễn Đức T - Sinh năm: 1963 - Địa chỉ: Tiểu khu 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa - Vắng mặt;

4/ Anh Nguyễn Văn H - Sinh năm: 1981 - Địa chỉ: Xóm 7, xã Th, huyện N, tỉnh Thanh Hóa - Vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 12/5/2018, Nguyễn Hữu Th và Mai Đăng Th1 ở xóm 1, xã Y; Trịnh Văn L ở xóm Nam Thành, xã cùng Hoàng Văn H và Nghiêm Văn S rủ nhau đến nhà nghỉ A ở thị trấn N thuê phòng 304 để nghỉ. Cả năm người ở đây cho đến sáng ngày 15/5/2018 thì L đến nhà LA ở xóm 1, xã M chơi, còn Th, Th1, H, S vẫn tiếp tục ngủ nghỉ tại phòng 304. Đến chiều cùng ngày do những người ở trong phòng đều không có tiền nên Th và Th1 nói với những người còn lại về nội dung không còn tiền để ăn cơm và trả tiền phòng nghỉ. Tất cả đều im lặng không nói gì. Sau đó S cùng H đi ra khỏi phòng, rồi Th cũng dậy đi ra khỏi phòng nhưng không nói là đi đâu, trong phòng nghỉ chỉ còn mình Th nằm xem ti vi.

Đến khoảng 19 giờ ngày 15/5/2018, khi ra khỏi nhà nghỉ A, S nói với H đi xuống khu vực xã Th “kiếm tiền” để trả tiền nhà nghỉ (ý nói là trộm cắp tài sản) và H đồng ý. Cả hai đi bộ từ nhà nghỉ A đến phía Trường trung học phổ thông P, rồi đi thẳng theo đường ven bờ sông H về phía cây xăng xóm 3, xã Th. Khoảng 20 giờ khi đi đến cửa hàng tạp hóa gia đình chị Dương Thị Th ở xóm 7, xã Th, quan sát cửa hàng tạp hóa này không có ai trong nhà, chỉ có một thanh niên còn nhỏ tuổi và một cháu gái còn bé đang ngồi chơi trước cửa quán, S và H thấy có thể đột nhập để trộm cắp được nên cả hai đi bộ vòng về phía sau nhà tìm lối vào. Khi đến phía Đông của cửa hàng tạp hóa, S và H thấy ngay sát cửa hàng tạp hóa có một ngôi nhà mái bằng bỏ hoang, cả hai trèo cửa sổ lên sân thượng ngôi nhà bỏ hoang, rồi bước sang tầng 2 của cửa hàng tạp hóa. Từ tầng 2, S và H đi bộ xuống phòng khách tầng 1 của cửa hàng tạp hóa, khi đi đến giữa cầu thang tầng 1 và tầng 2 H đứng lại ở đây để có thể nhìn ra phía ngoài đường cảnh giới còn S đi xuống phòng khách, nhìn thấy 01 chiếc điện thoại màu vàng S cầm lấy đưa cho H, rồi tiếp tục quay xuống thấy ở dưới bàn còn 01 chiếc điện thoại di động màu đỏ đen và ở ghế có một túi xách màu đỏ, S lấy chiếc điện thoại đưa cho H cầm còn mình giữ chiếc túi

xách. Trong lúc đứng trên cầu thang, H nhìn thấy có một rương kim loại ở ngoài quầy tạp hóa, nghĩ là rương đựng tiền nên H bỏ 02 điện thoại của S đưa vào túi quần rồi xuống tầng 1, ra quầy tạp hóa đến chỗ tủ kính đựng chiếc rương, H dùng hai tay bê chiếc rương ra khỏi tủ kính chạy lên chỗ S đang ngồi chờ. Sau đó cả hai mang những tài sản trộm cắp được lên tầng 2, trèo sang sân thượng cửa ngôi nhà bỏ hoang để kiểm tra tài sản đã trộm cắp được. Kiểm tra trong túi xách, thấy không có gì, S đã ném lại ở sân thượng, còn H mở rương kim loại ra lấy toàn bộ tiền và thẻ điện thoại trong rương bỏ vào ví da của mình, bỏ lại rương tôn kim loại. Tiếp đó cả hai trèo theo đường cũ xuống đường, đi men theo hướng ruộng lạc phía sau cửa hàng tạp hóa và đi ra phía đường Thái Hòa để về nhà nghỉ A. Trên đường đi về, H cầm tiền đã trộm cắp được vào một cửa hàng có bán đồ tạp hóa ở xóm 7, Th mua 04 chai nước ngọt và 01 bao thuốc lá Thăng Long hết 50.000đ. Khi đi đến Công ty MS Vina, S và H gọi 02 suất cơm ăn rồi mua thêm 02 suất cơm mang về cho Th, Th1 với tổng số tiền là 120.000đ. Ăn xong S và H đi về nhà nghỉ A đưa hai suất cơm cho Th và Th ăn.

Trong lúc ăn cơm, Th hỏi S và H về nguồn gốc số tiền mua cơm thì S nói là vừa cùng H trộm cắp của 1 quán tạp hóa ở xã Th. Sau đó, H kiểm tra 02 chiếc điện thoại vừa trộm cắp được là 01 chiếc điện thoại OPPO màu vàng và 01 điện thoại nhãn hiệu Viettel màu đỏ đen. H tháo 02 sim điện thoại ở 02 chiếc điện thoại này vứt đi và lắp sim điện thoại của mình vào chiếc điện thoại Viettel để liên lạc, còn chiếc OPPO, H không lắp sim mà cắm sạc để nạp điện. Tiếp đó, H mở ví kiểm tra thì phát hiện toàn bộ số thẻ điện thoại lấy trộm được không còn mà chỉ có số tiền mặt khoảng 200.000đ gồm các loại tiền mệnh giá 50.000đ, 20.000đ, 10.000đ, 5.000đ, 2.000đ, 1.000đ.

Khoảng 21 giờ ngày 15/5/2018, Lương đi xe taxi từ nhà xuống nhà nghỉ AA đi vào phòng 304 thì thấy cả 04 người đang nằm ở phòng nghỉ nên L vào cùng nằm chơi điện thoại và nói chuyện. Do muốn uống bia nên L hỏi xem ai có tiền không để mình đi mua, lúc này H có lấy từ số tiền đã trộm cắp được đưa cho L 120.000đ, L định cầm số tiền này ra ngoài mua bia và đồ ăn nhưng do nhà nghỉ đóng cửa nên L xuống quầy lễ tân của nhà nghỉ mua 04 lon bia Hà Nội và 02 lon nước cam rồi mang lên phòng uống. Sau đó cả 05 người xem tivi và ngủ tại phòng 304 nhà nghỉ A cho đến sáng.

Đến chiều ngày 16/5/2018, do không có tiền trả taxi và ăn cơm nên L có nói với H mượn điện thoại OPPO đang sạc ở giường để cầm cố lấy tiền. H đồng ý nên L đi với Th1 đến cửa hàng điện thoại Long Hải ở thị trấn N nói với anh Nguyễn Văn H (là chủ cửa hàng) để cầm cố điện thoại. Qua trao đổi thỏa thuận, anh H đồng ý cho L cầm cố điện thoại với giá 1.200.000đ, số tiền này L trả tiền taxi 500.000đ, sau đó L cùng Th1 về quán Min cà phê ở thị trấn N uống bia và gọi điện thoại cho Th đến uống cùng. Uống xong L thanh toán tiền hết 310.000đ, sau đó cùng Th, Th1 đi bộ đến quán nét Hoàng Hải ở tiểu khu Hưng Long, thị trấn N cùng nhau chơi game. Sau đó S và H về nghỉ tại nhà nghỉ A, đến 20 giờ cùng ngày S và H đến Công an huyện Nga Sơn đầu thú.

Tài sản mà Nghiêm Văn S và Hoàng Văn H trộm cắp được của gia đình chị Th ngày 15/5/2018 gồm: 01 điện thoại di động Viettel giá trị 120.000đ, 01 điện thoại di động OPPO đã qua sử dụng giá trị 2.050.000đ, thẻ điện thoại di động

viettel, mobifone và vinafone giá trị 2.000.000đ (10 thẻ mệnh giá 100.000đ, 12 thẻ mệnh giá 50.000đ và 20 thẻ mệnh giá 20.000đ) và số tiền mặt là 2.000.000đ, tổng cộng là 6.170.000đ. Số thẻ điện thoại di động S và H trộm cắp được đã bị rơi mất trên đường về nhà nghỉ A. Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không có kết quả, số tiền mặt S và H đã chi tiêu ăn uống trong hai ngày 15 và 16/5/2018, còn lại 100.000đ. Trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nga Sơn đã thu giữ được 02 chiếc điện thoại di động, chị Th giao nộp 01 túi xách, 01 rương tôn, thu giữ của Hoàng Văn H 01 thẻ điện thoại di động mobifone mệnh giá 20.000đ và số tiền 100.000đ; Trịnh Văn L giao nộp 135.000đ. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chị Th 01 túi xách màu đỏ, 01 rương tôn, chiếc điện thoại di động Viettel V6 314, 01 điện thoại di động OPPO và 100.000đ. Chị Th yêu cầu S và H phải bồi thường tiếp 3.900.000đ.

Trong vụ án này ngoài Nghiêm Văn S và Hoàng Văn H còn có Trịnh Văn L xã Th được H đưa cho 120.000đ mua bia uống và Hải cho mượn điện thoại di động OPPO đem cầm cố được 1.200.000đ chi tiêu cá nhân. Anh Nguyễn Văn H chủ cửa hàng điện thoại di động Long Hải ở tiểu khu 3, thị trấn N cho L cầm cố điện thoại di động OPPO do S và H trộm cắp được mà có, song khi H đưa tiền và điện thoại cho anh L, H không nói rõ và anh L, anh H cũng không biết là tài sản do trộm cắp được mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý hình sự.

Vật chứng vụ án: Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 135.000đ và 01 thẻ điện thoại Mobifone mệnh giá 20.000đ hiện đang lưu giữ tại Chi cục THADS huyện Nga Sơn.

Từ những hành vi trên, Cáo trạng số 24/CT-VKSNS-KT ngày 22/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Nghiêm Văn S và Hoàng Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của BLHS. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 17; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 47; khoản 1 Điều 48 BLHS và Điều 589 BLDS: Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nghiêm Văn S và Hoàng Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt: Nghiêm Văn S từ 09 đến 12 tháng tù giam thời hạn tù tính từ ngày 16/5/2018; Hoàng Văn H từ 06 đến 09 tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày 16/5/2018. Xử lý vật chứng: Trả lại 01 thẻ điện thoại mobifone mệnh giá 20.000đ cho chị Th; trả lại cho anh Nguyễn Văn H số tiền 135.000đ. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị các BC bồi thường số tiền 3.880.000đ cho chị Th (S 1.940.000đ; H 1.940.000đ). Buộc Trịnh Văn L bồi hoàn cho anh Nguyễn Văn H số tiền 1.065.000đ.

Các bị cáo và bị hại không có ý kiến tranh luận gì.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của KSV, của bị cáo và những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] HĐXX nhận thấy: Do không có tiền ăn tiêu và trả tiền nhà nghỉ nên khoảng 20 giờ ngày 15/5/2018, Nghiêm Văn S và Hoàng Văn H đã lén lút vào nhà chị Dương Thị Th ở xóm 7, xã Th trộm cắp tài sản gồm: 01 điện thoại di động Oppo, 01 điện thoại di động Viettel, 42 thẻ điện thoại di động và tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 2.000.000đ, tổng giá trị tài sản là 6.170.000đ. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chị Th 02 điện thoại di động và 100.000đ. Số thẻ điện thoại di động S và H làm rơi trên đường và số tiền đã chi tiêu cá nhân, chị Th yêu cầu S và H bồi thường 3.900.000đ còn thiếu.

[2] Xét tính chất vụ án: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, cả hai bị cáo cùng hiểu ý nhau và cùng thực hành. Nhưng xét vai trò của từng bị cáo thì thấy: Cả bị cáo S và bị cáo H cùng thực hiện hành vi trộm cắp, cùng tích cực tìm, lấy, kiểm đếm tài sản trộm cắp được, nhưng bị cáo Sơn là người khởi xướng, còn bị cáo H là người cùng bị cáo S thực hiện hành vi trộm cắp.

Về hậu quả đối với xã hội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu của công dân, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân địa phương.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng TNHS. Cả hai bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS là: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 và đầu thú quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Riêng bị cáo S có nhân thân xấu là bộ đội đào ngũ về địa phương.

[4] Về hình phạt: Từ những nhận xét trên HĐXX nghĩ cần lên cho các bị cáo mức án nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo. Tuy nhiên, cần cân nhắc đến các tình tiết giảm nhẹ nêu trên để quyết định mức hình phạt đối với các bị cáo cho phù hợp với quy định của pháp luật để thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội. Bị cáo S phải chịu mức án cao hơn bị cáo H là phù hợp với vai trò của từng bị cáo.

Hình phạt bổ sung: Các bị cáo nghề nghiệp lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Trong vụ án này ngoài bị cáo S và bị cáo H còn có Trịnh Văn L xã Th được H đưa cho 120.000đ mua bia uống và H cho mượn điện thoại di động OPPO đem cầm cố được 1.200.000đ chi tiêu cá nhân. Anh Nguyễn Văn H chủ cửa hàng điện thoại di động Long Hải ở tiểu khu 3, thị trấn N cho L cầm cố điện thoại di động OPPO do S và H trộm cắp được mà có, song khi H đưa tiền và điện thoại cho anh L, H không nói rõ và anh L, anh H cũng không biết là tài sản do trộm cắp được mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý hình sự là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Nghĩ cần buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho chị Dương Thị Th số tiền 3.900.000đ. Sau khi đã xem xét về vật chứng vụ án là trả lại cho chị Th 01 thẻ điện thoại di động Mobifone mệnh giá 20.000đ thì các bị cáo còn phải liên đới bồi thường cho chị Th số tiền là 3.880.000đ.

Buộc anh Trịnh Văn L hoàn trả cho anh Nguyễn Văn H số tiền 1.200.000đ. Sau khi xem xét về vật chứng vụ án là trả lại cho anh Nguyễn Văn H số tiền 135.000đ thu giữ của anh Trịnh Văn L. Vì vậy, anh Trịnh Văn L còn trả lại cho anh Nguyễn Văn H số tiền là 1.065.000đ.

[6] Về vật chứng vụ án: Trả lại cho chị Dương Thị Th 01 thẻ điện thoại di động Mobifone mệnh giá 20.000đ; trả lại cho anh Nguyễn Văn H số tiền 135.000đ thu được từ anh Trịnh Văn L (là số tiền do anh L cầm cố điện thoại di động của cửa hàng anh H sau khi chi tiêu còn lại)

[7] Tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

Bản cáo trạng, Quyết định truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viên đối với các bị cáo là phù hợp, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đối với các bị cáo, trước cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, lời nói sau cùng của các bị cáo xin HĐXX xem xét, giảm nhẹ hình phạt mức thấp nhất cho các bị cáo.

Trong hồ sơ vụ án, tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều tuân thủ theo quy định của BLTTHS tại Điều 37, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Điều tra viên và Điều 42 nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Kiểm sát viên.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST và DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS:

+ Tuyên bố: Các bị cáo Nghiêm Văn S và Hoàng Văn H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

+ Xử phạt:

- Bị cáo Nghiêm Văn S 12 (mười hai) tháng tù, hạn tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 16/5/2018).

- Bị cáo Hoàng Văn H 09 (chín) tháng tù, hạn tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 16/5/2018).

+ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS; Điều 584; 585 và 589 BLDS:

- Buộc bị cáo Nghiêm Văn S và bị cáo Hoàng Văn H liên đới bồi thường cho chị Dương Thị Th số tiền là 3.880.000đ (ba triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng). Mỗi bị cáo phải bồi thường là 1.940.000đ (một triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng).

- Buộc anh Trịnh Văn L bồi hoàn cho anh Nguyễn Văn H số tiền là 1.065.000đ (một triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn thi hành án, nếu các bị cáo chưa thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

+ Về vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 BLHS; điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS: Trả lại cho chị Dương Thị Th 01 thẻ điện thoại di động Mobifone mệnh giá 20.000đ; Trả lại cho anh Nguyễn Văn H số tiền 135.000đ (một trăm ba mươi lăm nghìn đồng)

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/7/2018 giữa Công an huyện Nga Sơn và Chi cục THADS huyện Nga Sơn)

+ Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 21; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST và 300.000đ án phí DSST.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THDS.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 BLTTHS: Các bị cáo và người bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- Công an huyện Nga Sơn;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- Bị cáo; bị hại; người có QLNVLQ;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Trung Thu